

Số: 36/2025/TT-BCA

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân ngày 22 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, cụ thể:

1. Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, bao gồm:

a) Khoản 4 Điều 42 về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành, lực lượng dân phòng;

b) Khoản 3 Điều 43 về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 37/2025/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân).

2. Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, bao gồm:

a) Khoản 7 Điều 9 về thẩm quyền thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an;

b) Khoản 3 Điều 13 về thẩm quyền kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan Công an;

c) Khoản 6 Điều 15 về thẩm quyền xây dựng, phê duyệt phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an;

d) Khoản 6 Điều 23 về thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

đ) Khoản 6 Điều 28 và khoản 2 Điều 30 về huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 2. Phụ lục

Ban hành kèm theo Thông tư này các phụ lục:

1. Phụ lục I: Danh mục, số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành.

2. Phụ lục II: Bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới.

3. Phụ lục III: Bảo quản, bảo dưỡng phương tiện chữa cháy thông dụng, phương tiện cứu người, phương tiện, thiết bị phục vụ cứu nạn, cứu hộ, chất chữa cháy, phương tiện, thiết bị thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Phụ lục IV: Bảo quản, bảo dưỡng trang phục và thiết bị bảo hộ cá nhân phục vụ công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

5. Phụ lục V: Bảo quản, bảo dưỡng thiết bị báo cháy độc lập, thiết bị thuộc hệ thống báo cháy, thiết bị thuộc hệ thống loa thông báo và hướng dẫn thoát nạn, thiết bị thuộc hệ thống chữa cháy, đèn, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn.

6. Phụ lục VI: Các biểu mẫu.

Chương II

TRANG BỊ PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ CHO LỰC LƯỢNG DÂN PHÒNG, LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ CƠ SỞ, LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ CHUYÊN NGÀNH

Điều 3. Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng

1. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng dân phòng theo danh mục, số lượng quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Căn cứ yêu cầu bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và khả năng bảo đảm ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã có thể trang bị thêm số lượng, thêm loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương tiện, thiết bị cần thiết khác cho lực lượng dân phòng để thực hiện nhiệm vụ.

Điều 4. Trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành

1. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành theo danh mục, số lượng quy định tại Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

2. Người đứng đầu cơ sở quyết định hoặc đề xuất người có thẩm quyền quyết định trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Căn cứ yêu cầu bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ tại cơ sở, người đứng đầu cơ sở quyết định hoặc đề xuất người có thẩm quyền quyết định trang bị thêm số lượng, thêm loại phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương tiện, thiết bị cần thiết khác cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý để thực hiện nhiệm vụ.

3. Kinh phí bảo đảm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành quy định tại khoản 8 Điều 20 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Kinh phí bảo đảm trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành thuộc cơ quan, tổ chức thụ hưởng ngân sách nhà nước do ngân sách nhà nước bảo đảm và thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Chương III

QUẢN LÝ, BẢO QUẢN, BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 5. Địa điểm, nơi quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được quản lý, bảo quản tại nhà, kho, bến, âu thuyền, bến cảng hoặc địa điểm khác do người có thẩm quyền quyết định và phải bảo đảm yêu cầu sau đây:

a) Nhà, kho để phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải có mái che, tường bao quanh, bảo đảm khô ráo, thoáng khí, sạch sẽ, bảo đảm an ninh, trật tự, có hệ thống thiết bị chiếu sáng, được trang bị phương tiện chữa cháy thông dụng;

b) Bến, âu thuyền, bến cảng để phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy.

2. Xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, máy bơm chữa cháy phải được để trong nhà, kho; tàu chữa cháy, xuồng, ca nô chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải được neo đậu tại bến, bến cảng, địa điểm khác bảo đảm an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy. Các phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khác phải được để ở địa điểm, nơi đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này hoặc để trong các khoang chứa phương tiện của xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tàu chữa cháy, xuồng, ca nô chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bảo đảm sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

3. Các phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa sử dụng phải được bảo quản trong nhà, kho hoặc địa điểm, nơi quản lý phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phù hợp với từng loại phương tiện.

Điều 6. Bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo nội dung quy định tại khoản 3 Điều này và do người đứng đầu cơ sở quyết định về thời gian, địa điểm thực hiện việc bảo quản, bảo dưỡng phù hợp với từng loại phương tiện, hướng dẫn của nhà sản xuất (nếu có), bảo đảm phương tiện sẵn sàng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Đối với phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới, mặt nạ phòng độc cách ly được bảo quản, bảo dưỡng thường xuyên hằng ngày hoặc trong và sau mỗi lần sử dụng.

2. Trường hợp phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quy định về việc bảo quản, bảo dưỡng thì thực hiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó.

3. Nội dung bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thực hiện theo quy định tại các Phụ lục II, III, IV và Phụ lục V kèm theo Thông tư này và theo hướng dẫn của nhà sản xuất (nếu có).

4. Kết thúc việc bảo quản, bảo dưỡng, người được phân công quản lý phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải ghi kết quả bảo quản, bảo dưỡng vào Sổ theo dõi phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 01 Phụ lục VI kèm theo Thông tư này.

Sổ theo dõi phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ là tài liệu trong hồ sơ về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo quy định.

Điều 7. Thống kê, báo cáo công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

Việc thống kê, báo cáo công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ được lồng ghép trong Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo Mẫu số PC04 Phụ lục VIII kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, bảo đảm các nội dung sau:

1. Kết quả thực hiện việc quản lý, bảo quản, bảo dưỡng (số lượng, chất lượng, chủng loại, nội dung bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã trang bị).

2. Kết quả thực hiện các yêu cầu, kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền về việc quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ (nếu có).

3. Đề xuất, kiến nghị giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 8. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở, chủ hộ gia đình, cá nhân trong quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở:

a) Tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý;

b) Tổ chức cho cán bộ, nhân viên, người lao động thuộc phạm vi quản lý học tập, biết sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trang bị;

c) Phân công, xác định cụ thể trách nhiệm của người được phân công quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

d) Kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm trong quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật;

đ) Bảo đảm kinh phí phục vụ công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi quản lý.

2. Chủ hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 43 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tự bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đã trang bị để bảo đảm sử dụng được phương tiện khi xảy ra cháy, tai nạn, sự cố.

Chương IV

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ QUẢN LÝ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ CỦA CƠ QUAN CÔNG AN

Điều 9. Thẩm quyền thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Công an

1. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP, cụ thể:

a) Công trình thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

b) Công trình thuộc dự án có công trình cấp đặc biệt theo quy định của pháp luật về xây dựng;

c) Công trình trụ sở, nhà làm việc của các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, công trình thuộc dự án có công trình cấp I khi có đề nghị của chủ đầu tư, chủ sở hữu công trình;

d) Công trình xây dựng trên địa bàn hành chính từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên;

đ) Công trình dân dụng có chiều cao phòng cháy và chữa cháy trên 150 m;

e) Công trình có quy mô lớn, kỹ thuật phức tạp thuộc danh mục theo quy định của pháp luật về xây dựng;

g) Công trình sử dụng công nghệ, thiết bị, hệ thống phòng cháy và chữa cháy mà Việt Nam chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

2. Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình, phương tiện giao thông, cụ thể:

a) Công trình quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP trên địa bàn quản lý, trừ các công trình quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Phương tiện giao thông quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP của cơ quan, tổ chức, cá nhân có trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh, có đăng ký kinh doanh hoặc sản xuất, lắp ráp, đóng mới, hoán cải trên địa bàn quản lý;

c) Công trình trên địa bàn quản lý đã được Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy mà trong quá trình sử dụng thay đổi công năng hoặc cải tạo làm thay đổi điều kiện an toàn phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Điều 10. Thẩm quyền quản lý, kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy của cơ quan Công an

Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh quản lý về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở thuộc Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; thực hiện kiểm tra định kỳ, đột xuất về phòng cháy, chữa cháy đối với cơ sở, công trình, phương tiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 13 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Điều 11. Thẩm quyền cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh cấp giấy phép lưu thông đối với phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ quy định tại Mục 1 Phụ lục V kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Điều 12. Thẩm quyền xây dựng, phê duyệt phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an

Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức xây dựng và phê duyệt phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 15 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP.

Sau khi phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an được phê duyệt, đơn vị trực tiếp xây dựng phương án có trách nhiệm xây dựng Phiếu chiến thuật chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo Mẫu số 02 Phụ lục VI kèm theo Thông tư này.

Điều 13. Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ

1. Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chủ trì, phối hợp với trường Đại học Phòng cháy chữa cháy và đơn vị liên quan xây dựng khung chương trình, biên soạn tài liệu huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phát hành đến Công an các đơn vị, địa phương.

2. Thẩm quyền huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Cơ sở đào tạo về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ: huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại các cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP; huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ

phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cho đối tượng quy định tại điểm b khoản này khi có đề nghị; bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại các cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP khi có đề nghị;

b) Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho đối tượng quy định tại các điểm c, d, đ, e, g và điểm i khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc cơ quan Đảng, nhà nước ở trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty khi có đề nghị, trừ người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP do cơ sở đào tạo về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ huấn luyện và thành viên Đội dân phòng;

c) Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh: huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi có đề nghị, trừ người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP do cơ sở đào tạo về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ huấn luyện; bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 45 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi có đề nghị.

Trường hợp khi có đề nghị tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho cá nhân là đối tượng được huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, thành viên Đội dân phòng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã thì Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Công an cấp xã để tổ chức thực hiện.

3. Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ sở thuộc nhóm 1 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP đăng ký với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quy định tại điểm a hoặc điểm c khoản 2 Điều này để tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người được phân công thực hiện kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy tại cơ sở;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký với cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều này để tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý;

c) Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm: bố trí địa điểm, nơi tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng để thuận tiện về thời gian, đi lại cho đối tượng được huấn luyện, bồi dưỡng; thực hiện huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, kiểm tra và có văn bản thông báo kết quả huấn luyện, bồi dưỡng cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đã đăng ký, có tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.
2. Các Thông tư sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này:
 - a) Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;
 - b) Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành, được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 55/2024/TT-BCA ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 141/2020/TT-BCA ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định công tác kiểm tra về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của lực lượng Công an nhân dân; Thông tư số 150/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trang bị phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở, lực lượng phòng cháy và chữa cháy chuyên ngành; Thông tư số 82/2021/TT-BCA ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, tập huấn, kiểm tra nghiệp vụ thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Thông tư số 06/2022/TT-BCA ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình thực hiện nhiệm vụ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong Công an nhân dân;
 - c) Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020

của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

d) Thông tư số 32/2024/TT-BCA ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.

3. Tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 149/2020/TT-BCA và việc quản lý, sử dụng, in, phát hành tem kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 32/2024/TT-BCA được tiếp tục thực hiện đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp ban hành quy chế về quản lý, sử dụng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho lực lượng dân phòng trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý với các nội dung: nguyên tắc quản lý, sử dụng phương tiện; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã, thành viên Đội dân phòng trong việc trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện; điều kiện, trách nhiệm của người được phân công quản lý kho, nơi bảo quản phương tiện; các nội dung khác có liên quan.

3. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

4. Đề nghị Thủ trưởng các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Bộ Công an trong việc quản lý, kiểm tra việc thực hiện công tác quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cơ quan, tổ chức do bộ, ngành, địa phương mình quản lý.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ) để kịp thời hướng dẫn./.

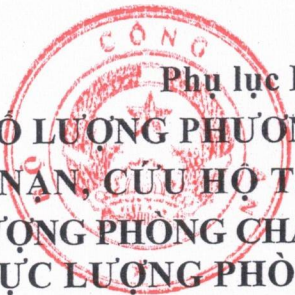
Nơi nhận:

- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C07.

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Lương Tam Quang



Phụ lục I

**DANH MỤC, SỐ LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ TRANG BỊ CHO LỰC LƯỢNG
DÂN PHÒNG, LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN,
CỨU HỘ CƠ SỞ, LỰC LƯỢNG PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ
CỨU NẠN, CỨU HỘ CHUYÊN NGÀNH**

*(Kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Công an)*

STT	DANH MỤC	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG (Trang bị cho 01 đội)			
			Đội dân phòng	Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở		Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành
				Cơ sở thuộc Phụ lục II kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP	Cơ sở còn lại thuộc Phụ lục I kèm theo Nghị định số 105/2025/NĐ-CP	
1	Bình bột chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 04 kg	Bình	05			
2	Bình khí chữa cháy xách tay có khối lượng chất chữa cháy không nhỏ hơn 03kg hoặc bình chữa cháy gốc nước xách tay có dung tích chất chữa cháy không nhỏ hơn 06 lít	Bình	05			
3	Đèn (độ sáng tối thiểu 200 lm, chịu nước tối thiểu IPX5)	Chiếc	02	02	01	03
4	Rìu (chất liệu đầu rìu bằng thép cacbon cao)	Chiếc	01	02	01	02
5	Xà beng (một đầu nhọn, một đầu dẹt; dài tối thiểu 100 cm)	Chiếc	01	01	01	01
6	Búa (chất liệu đầu búa bằng thép cacbon cao, nặng tối thiểu 5 kg,)	Chiếc	01	01	01	01

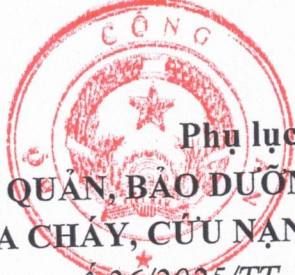
7	Kìm cộng lực (có tải cắt tối thiểu 60 kg)	Chiếc	01	01	01	01
8	Mặt nạ lọc độc hoặc mặt nạ phòng độc cách ly	Bộ	03	03		03

*** Ghi chú:**

- Các phương tiện phải được quản lý, bảo quản, bảo dưỡng theo quy định tại Thông tư này; thời hạn sử dụng theo niên hạn của nhà sản xuất, được thay thế khi hết niên hạn sử dụng hoặc khi bị hư hỏng.

- Trường hợp phương tiện quy định trong Phụ lục này đã được trang bị tại cơ sở theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hoặc trang bị trên phương tiện chữa cháy cơ giới của cơ sở thì không bắt buộc trang bị những phương tiện đã có cho Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Đội trưởng Đội dân phòng, Đội trưởng Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ sở, Đội trưởng Đội phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành quyết định việc giao phương tiện cho từng thành viên trong đội để sử dụng và loại phương tiện để sử dụng chung./.



Phụ lục II

BẢO QUẢN, BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ CƠ GIỚI

*(Kèm theo Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Công an)*

I. Bảo quản phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới

1. Bảo quản thường xuyên

1.1. Thực hiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

1.2. Kiểm đếm số lượng và sắp xếp phương tiện, thiết bị, dụng cụ được trang bị theo phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới.

1.3. Làm sạch, lau khô bề mặt các bộ phận cấu thành của phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới và các phương tiện, thiết bị, dụng cụ được trang bị kèm theo.

1.4. Bảo vệ phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới:

a) Đối với xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải sử dụng thiết bị chèn lốp để cố định vị trí phương tiện;

b) Đối với tàu chữa cháy, xuồng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, ca nô chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ phải sử dụng dây neo và thiết bị, dụng cụ chống va đập để cố định khi neo đậu tại bến, âu thuyền, bến cảng;

c) Đối với phương tiện, thiết bị, dụng cụ có các bộ phận dễ bị ăn mòn, biến dạng, oxy hoá khi tiếp xúc với nước, oxy trong không khí hoặc hoá chất độc hại phải sử dụng các chất chống oxy hoá hoặc thiết bị bao, phủ, che, chắn để bảo quản theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

1.5. Nhà, kho, bến, bãi, nơi bảo quản phương tiện phải có các biện pháp chống động vật, côn trùng xâm nhập; không được lưu trữ chất hóa học có tính độc hại, ăn mòn, dễ cháy, nổ trong cùng khu vực nhà, kho, nơi bảo quản phương tiện.

2. Bảo quản trong và sau mỗi lần sử dụng

2.1. Trong quá trình sử dụng:

a) Khi sử dụng phương tiện để thực tập phương án, làm nhiệm vụ chữa cháy, cứu, nạn, cứu hộ phải dừng, đỗ, đặt trên địa hình, địa vật bằng phẳng, khoá phanh tay, sử dụng thiết bị chèn lốp để cố định vị trí phương tiện, có biển

cảnh báo, sử dụng thiết bị che, chắn bảo vệ phương tiện, thiết bị, đường vòi chữa cháy, đường ống dẫn dầu thủy lực;

b) Vận hành phương tiện theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

2.2. Sau mỗi lần sử dụng:

a) Kiểm đếm số lượng và làm sạch, phơi hoặc lau khô phương tiện, thiết bị trước khi sắp xếp vào vị trí, nơi bảo quản;

b) Kiểm tra, đóng kín các van, nắp bảo vệ trên hệ thống bơm, hệ thống điều khiển phương tiện, thiết bị bảo đảm an toàn theo thiết kế của nhà sản xuất. Mở van xả đáy guồng bơm để xả hết nước trong guồng bơm, sau đó đóng kín van xả đáy guồng bơm (đối với các loại xe được trang bị bơm chữa cháy) bảo đảm độ kín và bên trong guồng bơm luôn được khô ráo;

c) Kiểm tra và bổ sung nhiên liệu bảo đảm tối thiểu 80% mức nhiên liệu trong bình chứa. Đối với phương tiện sử dụng pin, ắc quy, bảo đảm nạp tối thiểu 80% dung lượng pin, ắc quy. Kiểm tra và bổ sung đủ nước, chất tạo bọt chữa cháy (nếu có), dung dịch làm mát động cơ, các loại dầu, mỡ bôi trơn, dầu thủy lực (nếu thiếu) trước khi đưa phương tiện vào vị trí, nơi bảo quản;

d) Đóng kín các cửa, khoang chứa phương tiện không để nước, bụi, hoá chất, côn trùng xâm nhập.

II. Bảo dưỡng phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới

1. Bảo dưỡng thường xuyên

1.1. Khởi động phương tiện chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cơ giới:

a) Đối với xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tàu chữa cháy, xuồng chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, ca nô chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thực hiện khởi động động cơ 01 lần tối thiểu trong 15 phút. Trường hợp nhiệt độ môi trường trong ngày thấp hơn 10°C, thực hiện khởi động động cơ 02 lần/ngày, mỗi lần khởi động tối thiểu trong 15 phút và cách nhau 08 tiếng. Đối với xe chữa cháy, xe chuyên dùng phục vụ chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ có thể kết hợp di chuyển trong quá trình khởi động;

b) Đối với máy bơm chữa cháy thực hiện khởi động động cơ tối đa 01 lần trong 03 phút (khi không phun, hút nước) hoặc 15 phút (khi có phun, hút nước). Trường hợp nhiệt độ môi trường trong ngày thấp hơn 10°C, thực hiện khởi động động cơ 02 lần/ngày, mỗi lần cách nhau 08 tiếng;

c) Đối với máy nạp khí sạch, 03 ngày khởi động 01 lần tối thiểu trong 05 phút hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất;